TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24/06/2021
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhiễu và Nguyễn Thanh Nghĩa.

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà*: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/03/2021 về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31tháng 05 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/06/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị N**, sinh năm 1973;

2. Bị đơn: Anh **Phạm Duy T**, sinh năm 1974;

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(*Chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 03 năm 2021, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày và có yêu cầu:* Chị và anh Phạm Duy T tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/12/1999. Sau khi kết hôn, hai bên không có sự hòa hợp ngay từ những ngày đầu về chung sống, anh T sống thiếu trách nhiệm với vợ, con. Tuy chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian qua, chị đã 2 lần khởi kiện xin ly hôn anh T tại Tòa án nhưng vì con cái, bản thân chị cũng muốn cho anh có cơ hội sửa chữa bản thân để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, việc anh chị tiếp tục chung sống khiến tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Duy T, việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Chị và anh Phạm Duy T có hai con chung là Phạm Bích N, sinh ngày 14/12/2000 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 11/4/2006. Hiện nay hai con đang ở cùng với anh chị. Ly hôn chị không đặt ra giải quyết về việc người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với con Phạm Bích N vì hiện con đã trên 18 tuổi, có khả năng tự tập. Đối với con Phạm Trung Đ, chị nguyện vọng tiếp tục nuôi con Phạm Trung Đ và yêu cầu anh Phạm Duy T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Chị Ngô Thị N trình bày anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 4 năm 2021, anh Phạm Duy T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng hay to tiếng cãi nhau nên tình cảm vợ chồng cũng có phần nào bị ảnh hưởng. Hiện nay anh chị vẫn ở cùng nhà, nhưng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, phân tích và hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2020 cô N có làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình, nhưng anh xin đoàn tụ vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên Tòa án xử bác đơn ly hôn. Tuy nhiên từ

đó cho đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được và tồn tại mâu thuẫn, không thể hòa hợp được. Nay cô N có đơn xin ly hôn anh, anh vẫn đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được về đoàn tụ, nếu cô N vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị N có hai con chung là Phạm Bích N, sinh ngày 14/12/2000 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 11/4/2006. Hiện nay con Phạm Bích N đã trên 18 tuổi, trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con N. Ly hôn, nếu cô N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Đ và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh và chị Ngô Thị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Duy T.

+ Về con chung: Anh Phạm Duy T và chị Ngô Thị N có hai con chung là Phạm Bích N, sinh ngày 14/12/2000 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 11/4/2006. Con Phạm Bích N đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết về việc người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao con Phạm Trung Đ cho chị Ngô Thị N nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

+ Về tài sản: Anh Phạm Duy T và chị Ngô Thị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn là anh Phạm Duy T trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai, vắng mặt trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa không có lý do, nên Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Phạm Duy T và chị Ngô Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên dẫn đến luôn bất đồng quan điểm và tính cách không hòa hợp, anh chị có thời gian sống không hạnh phúc. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Duy T là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Phạm Duy T và chị Ngô Thị N có 02 con chung là Phạm Bích N, sinh ngày 14/12/2000 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 11/4/2006. Ly hôn chị N xác định con Ngọc đã trên 18 tuổi, trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị và anh T không đặt ra giải quyết về việc người trực tiếp và cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Phạm Trung Đ, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Đ, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng. Anh T trình bày, nếu trong trường hợp Tòa án xử cho vợ chồng ly hôn, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Đ mỗi tháng 1.000.000

đồng. Xét thấy chị N có nguyện vọng nuôi cháu Đ, cháu Đ cũng muốn ở với mẹ và anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị N 1.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp nên cần chấp nhận giao cho chị N trực tiếp nuôi con Đ, anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi con Đ đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Anh Phạm Duy T và chị Ngô Thị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Duy T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Phạm Duy T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Ngô Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Trung Đ, sinh ngày 11/4/2006, anh T cấp dưỡng nuôi con Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi con Đ tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T và chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Ngô Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0001063 ngày 24/3/2021 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình) sang thành án phí. Anh Phạm Duy T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị N và anh Phạm Duy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình. (GCN số 12; Quyển số 01 ngày 20 tháng 12 năm 1999);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền